Tạp chí Kinh tế và Dự báo
Economy & Forecast Review Online
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

e-ISSN: 2734-9365

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các năm cuối ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

16:32 | 23/08/2024

EFR *Khởi nghiệp là một vấn đề đang được Nhà nước và xã hội quan tâm, được xem như là một giải pháp cơ bản để giải quyết các vấn đề, như: cải thiện kinh tế, giảm tỷ lệ thất nghiệp...*

ThS. Tạ Thanh Điệp

Trường Trung cấp Bách nghệ TP. Hồ Chí Minh

TS. Bùi Văn Danh

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Tóm tắt

Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên các năm cuối ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng, bao gồm: (1) Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp; (2) Chuẩn mực chủ quan/Ý kiến người xung quanh; (3) Nguồn vốn/Tài chính; (4) Chính sách chính phủ - địa phương; (5) Cảm nhận về sự khát khao khởi nghiệp; (6) Đặc điểm cá nhân; (7) Môi trường giáo dục đại học. Trong đó, nhân tố Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp có tác động mạnh nhất đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *ý định khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, sinh viên, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh*

Summary

This article uses quantitative research methods to determine factors affecting the Entrepreneurial Intention of final-year students of Business Administration at the Industrial University of Ho Chi Minh City. The research results show that there are 7 influencing factors, including: (1) Perception of entrepreneurial feasibility; (2) Subjective standards/Opinions of others; (3) Capital/Finance; (4) Government - local policies; (5) Perception of entrepreneurial desire; (6) Personal characteristics; (7) University education environment. The factor Perception of entrepreneurial feasibility has the strongest impact on the final-year students of Business Administration's Entrepreneurial Intention at the Industrial University of Ho Chi Minh City.

Keywords: *entrepreneurial intention, business start-up, students, Industrial University of Ho Chi Minh City*

GIỚI THIỆU

Khởi nghiệp là một vấn đề đang được Nhà nước và xã hội quan tâm, được xem như là một giải pháp cơ bản để giải quyết các vấn đề, như: cải thiện kinh tế, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao mức sống người dân, giảm đói nghèo. Đối với một nền kinh tế đang gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp phá sản thua lỗ, việc sa thải, giảm bớt lao động của các doanh nghiệp là vấn đề gây trở ngại cho một số người đang tìm việc. Trong khi đó, số lượng sinh viên ngành QTKD tốt nghiệp hằng năm đang cần việc làm ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, nhu cầu khởi nghiệp của sinh viên ra trường, tự tạo việc làm cho chính mình và cho người khác là điều cấp bách hơn bao giờ hết. Xuất phát từ lý do đó, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên các năm cuối ngành QTKD Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh và đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm khơi dậy ý định khởi nghiệp của sinh viên.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết dự định của Ajzen (1991): Lý thuyết dự định cho rằng, hành vi của con người là kết quả của dự định thực hiện hành vi và kiểm soát của họ. Dự định thực hiện hành vi chịu tác động của 3 nhân tố: (1) Thái độ của cá nhân đối với hành vi; (2) Ý kiến người xung quanh; và (3) Cảm nhận về khả năng kiểm soát hành vi.

Lý thuyết sự kiện khởi sự kinh doanh của Shapero và Sokol (1982): Shapero và Sokol (1982) cho rằng, việc thành lập doanh nghiệp mới là một sự kiện bị tác động bởi những thay đổi trong đời sống của con người.

Nghiên cứu của Bùi Huỳnh Tuấn Duy và cộng sự (2011) cho thấy, tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Bách khoa có thể được giải thích bởi 7 nhân tố gồm: Nhu cầu thành đạt; Nhu cầu tự chủ; Định hướng xã hội; Sự tự tin; Khả năng am hiểu thị trường; Khả năng sáng tạo và Khả năng thích ứng.

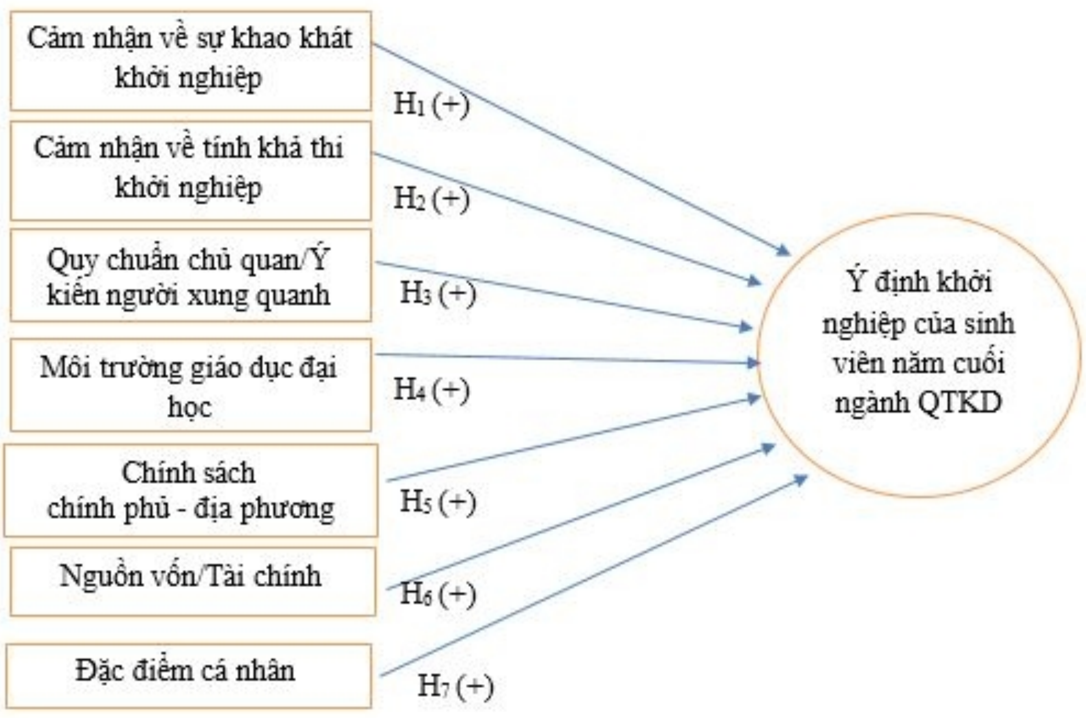
Theo Nguyễn Doãn Chí Luân (2012), các nhân tố bên trong chủ thể, như: Cảm nhận sự khát khao, Cảm nhận tính khả thi và các nhân tố thuộc môi trường bên ngoài như: Chuẩn mực xã hội, Môi trường giáo dục đại học, Điều kiện thị trường và tài chính tác động đến Ý định khởi nghiệp của của sinh viên đại học khối ngành kinh tế ở các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu của Phan Anh Tú và Nguyễn Thanh Sơn (2015) về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên kinh tế đã tốt nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố tác động đến Ý định khởi sự doanh nghiệp lần lượt là: (1) Động lực trở thành doanh nhân; (2) Nền tảng gia đình; (3) Chính sách chính phủ và địa phương; (4) Tố chất doanh nhân; (5) Khả năng tài chính; (6) Đặc điểm cá nhân.

Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên các nghiên cứu có liên quan, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.

Hình: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Các giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H1: Cảm nhận về sự khao khát khởi nghiệp có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H2: Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H3: Quy chuẩn chủ quan/Ý kiến của người xung quanh có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H4: Môi trường giáo dục đại học có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H5: Chính sách chính phủ - địa phương có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H6: Nguồn vốn/Tài chính có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

H7: Đặc điểm cá nhân có tác động cùng chiều với Ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính: Thu thập dữ liệu thứ cấp, thảo luận với chuyên gia để hình thành mô hình nghiên cứu và bảng câu hỏi sơ bộ.

Nghiên cứu định lượng: Để có dữ liệu phân tích, nhóm tác giả thực hiện khảo sát. Điều tra định lượng chính thức được thực hiện bằng bảng hỏi chi tiết trên mẫu 350 sinh viên năm 4 của khoa QTKD Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, thu thập thông tin cần thiết cho nghiên cứu, các dữ liệu thu thập được dùng để đánh giá thang đo, kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả thu về được 350 phiếu khảo sát hợp lệ. Dữ liệu khảo sát được mã hóa và đưa vào phần mềm SPSS để phân tích khảo sát sơ cấp được thu thập từ tháng 2 đến tháng 5/2023 ***(Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).***

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thống kê mô tả mẫu

Giới tính: Trong tổng số 350 mẫu hợp lệ, có 114 sinh viên nam, chiếm 32.6%; 236 sinh viên nữ, chiếm 67.4%, gấp đôi số sinh viên nam.

Làm thêm và không làm thêm: Dựa vào kết quả khảo sát, trong trong tổng số 350 sinh viên, có 293 người là đã từng đi làm thêm chiếm 83.7%, số còn lại 57 người là chưa từng đi làm thêm chiếm tỷ lệ 16.3%. Như vậy, hầu như đa phần sinh viên đều đã từng làm thêm.

Nghề nghiệp chính của ba - mẹ: Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 34.9% sinh viên trả lời nghề nghiệp chính của ba - mẹ là nông dân, chiếm tỷ lệ cao nhất. Tiếp theo là nghề khác chiếm tỷ lệ 26.9%, công chức - viên chức (16.6%), kinh doanh (11.4%), cuối cùng là công nhân (10.3%).

Kết quả phân tích Cronbanh's Alpha

Kết quả phân tích (Bảng 1) cho thấy, tất các biến quan sát của thang đo biến phụ thuộc và biến độc lập đều được chấp nhận, ngoại trừ biến DDCN3 bị loại do không đủ độ tin cậy để thực hiện bước phân tích tiếp theo.

Bảng 1: Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Yếu tố cảm nhận sự khát khao (CNKK), Cronbach's Alpha = 0.765				
CNKK1	19.14	6.663	.485	.736
CNKK2	19.13	6.180	.597	.706
CNKK3	19.08	6.670	.468	.741
CNKK4	19.11	6.584	.496	.733
CNKK5	19.10	6.455	.516	.728
CNKK6	19.10	6.577	.482	.737
Cảm nhận tính khả thi khởi sự kinh doanh (CNKT), Cronbach's Alpha = 0.739				
CNKT1	10.82	3.764	.534	.679
CNKT2	10.83	3.776	.564	.665
CNKT3	10.37	3.723	.513	.691
CNKT4	10.59	3.355	.528	.687
Ý kiến người xung quanh (YKXQ), Cronbach's Alpha = 0.829				
YKXQ1	12.42	4.491	.633	.794
YKXQ2	12.38	4.402	.629	.796
YKXQ3	12.43	4.154	.674	.776
YKXQ4	12.46	4.031	.689	.769

Chính sách chính phủ - địa phương (CS), Cronbach's Alpha = 0.726				
CS1	7.83	1.980	.556	.629
CS2	7.82	2.045	.541	.647
CS3	7.77	1.959	.547	.640
Môi trường giáo dục đại học (GDDH), Cronbach's Alpha = 0.746				
GDDH1	7.89	2.460	.584	.648
GDDH2	7.77	2.571	.520	.722
GDDH3	7.82	2.335	.615	.611
Nguồn vốn/Tài chính (NVTC), Cronbach's Alpha = 0.823				
NVTC1	16.14	5.952	.596	.794
NVTC2	16.16	6.190	.547	.808
NVTC3	16.19	5.892	.642	.780
NVTC4	16.13	5.849	.651	.777
NVTC5	16.01	6.283	.659	.779
Đặc điểm cá nhân (DDCN), Cronbach's Alpha = 0.735				
DDCN1	22.43	11.810	.363	.722
DDCN2	22.32	10.687	.575	.678
DDCN3	22.72	11.338	.195	.787
DDCN4	22.17	10.786	.550	.683
DDCN5	22.19	10.574	.539	.683
DDCN6	22.35	10.463	.567	.677
DDCN7	22.24	10.785	.499	.693
Ý định khởi sự kinh doanh (YDKS), Cronbach's Alpha = 0.725				
YDKS1	7.19	.784	.546	.637
YDKS2	7.17	.823	.512	.677
YDKS3	7.21	.771	.580	.595

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Đối với nhân tố độc lập. Kết quả phân tích (Bảng 2, 3) cho thấy, có 7 nhân tố được rút ra với khả năng giải thích được 58.177% biến thiên của dữ liệu. Hệ số KMO = 0.785 (> 0.5) và kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0.000, Kết quả phân tích EFA cho thấy, có 7 nhân tố được trích ra tại Eigenvalue = 1.405 (đạt giá trị > 1). Tổng phương sai trích TVE (Total Variance Explained) ở dòng Component số 7 và cột Cumulative % có giá trị phương sai cộng dồn các nhân tố là 58.691% > 50% đáp ứng tiêu chuẩn. Điều này có nghĩa là 58.691% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát.

Bảng 2: Phân tích EFA cho biến độc lập

Các thông số	EFA lần đầu
Chỉ số KMO	0.736
Số nhân tố rút trích	7 nhân tố
Hệ số Eigenvalues	1.405
Giá trị Sig. kiểm định Bartlett	0.000
Tổng phương sai trích	58.691%
Số biến loại	3 biến quan sát

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Bảng 3: Bảng ma trận nhân tố sau phân tích EFA

	Nhân tố							Cronbach's Alpha	Nhân tố	Ký hiệu
	1	2	3	4	5	6	7			
CNKK2	.762							.765	Cảm nhận sự khát khao khởi nghiệp	F_CNKK
CNKK5	.685									
CNKK4	.659									
CNKK1	.656									
CNKK6	.651									
CNKK3	.647									
DDCN6		.782						.787	Đặc điểm cá nhân	F_DDCN
DDCN5		.750								
DDCN4		.739								
DDCN7		.672								
DDCN2		.653								
YKXQ4			.833					.829	Chuẩn mực chủ quan/Ý kiến người xung quanh	F_YKXQ
YKXQ3			.823							
YKXQ2			.792							
YKXQ1			.782							
NVTC3				.780				.779	Nguồn vốn/Tài chính	F_NVTC
NVTC4				.775						
NVTC1				.739						
NVTC2				.721						
CNKT2					.790			.739	Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp	F_CNKT
CNKT1					.756					
CNKT4					.695					
CNKT3					.679					
GDDH1						.820		.746	Môi trường giáo dục đại học	F_GDDH
GDDH3						.815				
GDDH2						.763				
CS1							.801	.726	Chính sách chính phủ - địa phương	F_CS
CS2							.782			
CS3							.771			

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Đối với nhân tố phụ thuộc. Kết quả phân tích EFA cho thấy, có 1 nhân tố được trích ra tại Eigenvalue = 1.936 (đạt giá trị > 1). Giá trị tổng phương sai trích TVE ở dòng Component số 1 và cột Cumulative % có giá trị phương sai cộng dồn các nhân tố là 64.538% > 50% đáp ứng tiêu chuẩn. Điều này có nghĩa là 64.538% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát. Hay nói cách khác là nhân tố này lấy được 64.538% phương sai của 3 biến quan sát đo lường khái niệm Ý định khởi sự kinh doanh.

Kết quả phân tích hồi quy

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Khoảng tin cậy 95%		Kiểm tra đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Giới hạn dưới	Giới hạn trên	Độ chấp nhận	VIF
1	(Hằng số)	-.453	.197		-2.302	.022	-.840	-.066		
	F_CNKT	.255	.025	.373	10.348	.000	.206	.303	.855	1.170
	F_NVTC	.213	.024	.320	8.835	.000	.166	.260	.847	1.180
	F_DDCN	.057	.025	.082	2.288	.023	.008	.107	.855	1.170
	F_YKXQ	.201	.021	.323	9.524	.000	.160	.243	.965	1.036
	F_CS	.177	.022	.280	7.952	.000	.133	.220	.892	1.121
	F_GDDH	.044	.020	.077	2.228	.027	.005	.082	.929	1.077
	F_CNKK	.100	.028	.119	3.563	.000	.045	.155	.994	1.007

a. Biến phụ thuộc: F_YDKS

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Kết quả phân tích hồi quy (Bảng 4) cho thấy, giá trị Sig. của 7 biến độc lập: CNKK, CNKT, DDCN, NVTC, YKXQ, CS, GDDH đều < 0.05. Do đó, có thể nói rằng, 7 biến độc lập này đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc YDKS. Phương trình hồi quy chuẩn hóa được viết như sau:

F_YDKS = 0.373 F_CNKT + + 0.323 F_YKXQ + 0.320 F_NVTC + 0.280 F_CS + 0.082 F_DDCN + 0.077 F_GDDH

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng tới Ý định khởi nghiệp của sinh viên những năm cuối ngành QTKD Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, sắp xếp theo mức độ tác động giảm dần là: (1) Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp; (2) Chuẩn mực chủ quan/Ý kiến người xung quanh; (3) Nguồn vốn/Tài chính; (4) Chính sách chính phủ - địa phương; (5) Cảm nhận về sự khát khao khởi nghiệp; (6) Đặc điểm cá nhân; (7) Môi trường giáo dục đại học.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, cùng với tình hình thực tiễn, nhóm tác giả đưa ra gợi ý về một số hàm ý quản trị nhằm khơi dậy ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối ngành QTKD Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh như sau.

Thứ nhất, về Cảm nhận về tính khả thi khởi nghiệp: Trước sự cạnh tranh gay gắt về nguồn lực từ trong nước và quốc tế, sinh viên không chỉ biết đến kiến thức ngành nghề mình đang theo học, mà còn phải học hỏi thêm các kiến thức về các ngành nghề khác, nhận biết và nắm bắt cơ hội và những rủi ro tiềm ẩn từ thị trường, tăng cường lòng tự tin vào bản thân khi khởi nghiệp.

Thứ hai, về Chuẩn mực chủ quan/Ý kiến người xung quanh: Bên cạnh việc lắng nghe ý kiến từ gia đình, bạn bè, người thân để tham khảo, sinh viên cũng cần phải có hiểu biết đúng đắn dựa trên kinh nghiệm và sự quan sát, tránh bị ảnh hưởng hoàn toàn bởi người xung quanh (Vuong và Nguyen, 2024).

Thứ ba, về Nguồn vốn/Tài chính: Trường đại học nên thành lập một quỹ phục vụ cho mục đích nghiên cứu về kinh tế, kinh doanh...; tìm kiếm các nguồn tài trợ là các doanh nghiệp; liên kết và thu hút các nguồn tài trợ chính từ các quỹ đầu tư (HSIF, quỹ đầu tư dài hạn Dragon Capital Group...). Bên cạnh đó, sinh viên có ý định khởi nghiệp có thể chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư cho các kế hoạch của mình thông qua việc tham gia vào các cuộc thi khởi nghiệp.

Thứ tư, về Chính sách chính phủ - địa phương: Thúc đẩy khởi nghiệp sinh viên đại học nói riêng là công việc của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan nhà nước. Các hoạt động cần triển khai gồm: hoàn thiện khung thể chế chính sách, tổ chức các hoạt động khuyến khích khởi nghiệp, đa dạng hóa và tăng cường các hình thức giáo dục đào tạo và tích cực hỗ trợ tài chính cho các chương trình khởi nghiệp...

***Thứ năm, về Đặc điểm cá nhân*:** Sinh viên cần rèn luyện tính sáng tạo cho bản thân; tiếp cận và trải nghiệm các tính huống, vấn đề khó để kích thích sự sáng tạo và khả năng xử lý tình huống.

***Thứ sáu, về Cảm nhận sự khát khao khởi nghiệp*:** Sinh viên cần phải xác định rõ năng lực sở trường của mình, nuôi dưỡng khát khao cống hiến cho xã hội, tinh thần vượt khó và sự kiên trì hướng đến thành công.

***Thứ bảy, về Môi trường giáo dục đại học*:** Nhà trường cần cải cách chương trình dạy học theo hướng vận dụng và hội nhập, đầu tư các cơ sở vật chất như phòng thực hành dành cho sinh viên QTKD nhằm giúp sinh viên hiện thực hóa các ý

tưởng của mình thành sản phẩm thực tế. Nhà trường cần đổi mới nhận thức quan điểm và mục tiêu đào tạo, thường xuyên cập nhật tin tức về kinh doanh cho sinh viên trong các bải giảng, hội thảo, hội nghị. Đồng thời, thường xuyên tổ chức những hoạt động ngoại khóa định hướng về khởi nghiệp, giới thiệu các mô hình liên kết doanh nghiệp với sinh viên và truyền lửa cho các sinh viên nhằm khuyến khích sinh viên khởi nghiệp./.

Tài liệu tham khảo

1. Ajzen I. (1987), Attitudes, traits and actions: dispositional prediction of behavior in personality and social psychology, *Advances in Experimental Social Psychology,* 20, 1-63.

2. Ajzen, I. (1991), The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human Decision Processes,* 50(2), 179–211.

3. Bùi Huỳnh Tuấn Duy, Lê Thị Lin, Đào Thị Xuân Duyên và Nguyễn Thu Hiền (2011), Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tính cách cá nhân lên tiềm năng khởi nghiệp của sinh viên*, Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,* 4(3Q), 68-82.

4. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2007), *Nghiên cứu khoa học marketing: ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM,* Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Doãn Chí Luân (2012), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học khối ngành Kinh tế tại TP Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Mở TP Hồ Chí Minh.

6. Phan Anh Tú và Nguyễn Thanh Sơn (2015), Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên kinh tế đã tốt nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 40.

7. Shapero, A., and Sokol, L. (1982), *The Social Dimensions of Entrepreneurship*., In C.A. Kent, D.L. Sexton, & K.H. Vesper (Eds.), Encyclopedia of Entrepreneurship. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall, 72-90.

8. Vuong, Q. H., Nguyen, M. H. (2024). Further on informational quanta, interactions, and entropy under the granular view of value formation.

Ngày nhận bài: 27/5/2024; Ngày phản biện: 22/7/2024; Ngày duyệt đăng: 25/8/2024

URL: https://kinhtevadubao.vn/nghien-cuu-cac-nhan-to-anh-huong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-cac-nam-cuoi-nganh-quan-tri-kinh-doanh-truong-dai-hoc-cong-nghiep-tp-ho-chi-minh-29576.html